

CHÍNH SÁCH CẠNH TRANH CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU TRONG THÚC ĐẨY TỰ DO HÓA THƯƠNG MẠI TOÀN CẦU

PGS.TS. Nguyễn Quang Thuần

Viện Nghiên cứu Châu Âu

Chính sách cạnh tranh của EU có vai trò quan trọng trong thúc đẩy tự do hóa thương mại nội khối cũng như quan hệ thương mại với bên ngoài. EU đã đề xuất đưa vấn đề cạnh tranh vào nội dung đàm phán trong quan hệ song phương và đa phương, ví dụ trong quá trình đàm phán hiệp định song phương mới với Trung Quốc, hay Hiệp định FTA giữa EU – ASEAN hoặc Hiệp định Đối tác kinh tế (EPA) với các nước ACP... Ở cấp độ đa phương, EU đã đề xuất chính sách cạnh tranh đặt trong khuôn khổ của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) nhằm thúc đẩy tự do hóa thương mại. Tuy nhiên, vấn đề này đang gây tranh cãi, đặc biệt, giữa các nước phát triển với các nước đang phát triển. Bài viết này sẽ đề cập một số vấn đề về những đề xuất chính sách cạnh tranh của EU và vai trò của nó trong thúc đẩy tự do hóa thương mại toàn cầu.

1. Những đề xuất của EU về mở rộng phạm vi điều chỉnh chính sách cạnh tranh trong khuôn khổ toàn cầu

Chính sách cạnh tranh của EU có lịch sử phát triển khá lâu đời cùng với sự phát triển của Thị trường chung Châu Âu. Ngay từ những năm 50 của thế kỷ XX, những nền

tăng cơ bản của chính sách cạnh tranh EU đã ra đời nhằm đảm bảo tính thống nhất và năng động trong thị trường chung. Chính sách cạnh tranh của EU đã phát triển cao với những đóng góp quan trọng cho việc tăng cường sức mạnh cho các doanh nghiệp châu Âu, đảm bảo tiếp cận thị trường, ngăn chặn các hành động phân biệt đối xử thương mại giữa các nước thành viên cũng như thúc đẩy tự do hóa thương mại và nâng cao khả năng cạnh tranh của EU với thế giới.

Với mục tiêu mở rộng hoạt động kinh doanh của EU trên thị trường thế giới, cộng với những thành công trong việc thực thi chính sách cạnh tranh chung của EU ở thị trường nội khối, EU luôn tìm cách “xuất khẩu” chính sách cạnh tranh của mình, và hướng các nước cùng áp dụng các quy tắc tương tự trong khuôn khổ WTO. Chính vì vậy, EU được coi là khu vực có những đề xuất về chính sách cạnh tranh quốc tế mạnh mẽ nhất. Trên thực tế, những năm gần đây, EU đã ủng hộ mạnh mẽ sự liên kết chính sách cạnh tranh theo thể chế quốc tế. Cùng với xu hướng hội nhập và liên kết trên thế giới đang diễn ra mạnh mẽ, việc đưa ra chế độ cạnh tranh chung cho các nước như đề

xuất của EU ngày càng có ý nghĩa. Rất nhiều nước hiện nay, nhất là những nước đang phát triển, vẫn chưa có cơ chế hay một chính sách cạnh tranh hoàn chỉnh. Đây vừa là thuận lợi do các nước đều mong muốn hoàn thiện chính sách cạnh tranh của mình, nhưng đồng thời cũng là những khó khăn vì việc áp dụng một hệ thống cạnh tranh chung không phải dễ dàng đối với những nước chưa hoàn thiện cơ sở pháp lý cho vấn đề này. Chính vì vậy, EU muốn gắn vấn đề thương mại với cạnh tranh và muốn có chính sách cạnh tranh để thúc đẩy phát triển thương mại và tự do hóa thương mại toàn cầu. Những nguyên tắc của WTO đã đề cập tới nhiều vấn đề khác nhau từ thương mại hàng hóa, dịch vụ, mua sắm của chính phủ, cho đến đầu tư có liên quan đến thương mại, quyền sở hữu trí tuệ.... nhưng các vấn đề có liên quan đến sự cạnh tranh vẫn còn ít được quan tâm. Do đó, hiệu quả thực thi các chính sách cạnh tranh ở các nước cũng còn kém, và điều đó cản trở nhiều đến các hoạt động thương mại chung.

Các quy tắc cạnh tranh là một phần quan trọng của chiến lược thúc đẩy thương mại của EU bằng việc hỗ trợ mở cửa hướng tới các thị trường bên ngoài cho các nhà xuất khẩu EU¹. Vì vậy, EU đã chú ý tới việc thúc đẩy các quy tắc cạnh tranh trong các đàm phán thương mại quốc tế. Chiến lược phát triển của EU là nhằm đạt được sự đồng thuận quốc tế về chính sách cạnh tranh theo những nét cơ bản của mô hình EU, được thể hiện

trong Điều 81- 89 của Hiệp ước TEC. Những quy tắc này sẽ ngăn chặn các chính phủ cho phép các “móc ngoặc”, độc quyền trong nước và các hoạt động thương mại không công bằng.

Từ những năm đầu thập kỷ 1990, EU đã đưa ra ý tưởng về một chế độ cạnh tranh trong khuôn khổ WTO. Nó được gợi ý lần đầu bởi Leon Brittan năm 1992 tại Diễn đàn Cạnh tranh thế giới ở Davos và sau đó được đề xuất năm 1995 trong báo cáo Van Miert. Trong quá trình chuẩn bị cho Hội nghị các Bộ trưởng WTO ở Singapore năm 1996, EC đã đưa ra định hướng của họ là phát triển “một khuôn khổ luật cạnh tranh quốc tế trong WTO” và nói rằng “sự áp dụng hiệu quả chính sách cạnh tranh có thể giúp cho mở cửa thị trường và dễ dàng tiếp cận đối với các nhà đầu tư nước ngoài”. Điều này rất phù hợp với xu hướng tự do hóa thương mại và liên kết kinh tế toàn cầu hiện nay và cũng là mục tiêu của hầu hết các nước trên thế giới, cả những nước phát triển và đang phát triển. Thực tế, việc thảo luận hợp tác quốc tế về chính sách cạnh tranh hay thiết lập một chế độ cạnh tranh quốc tế đã có từ những năm 1950. Trong Tuyên bố Havana về Tổ chức Thương mại quốc tế (ITO) năm 1948, chế độ cạnh tranh quốc tế đã được đưa ra nhưng không thành công. Trong những năm 1970, xuất hiện các hành động chống cạnh tranh của các công ty đa quốc gia có vị trí thống trị, đặc biệt ở các nước đang phát triển. UNCTAD đã làm một việc được coi là rất quan trọng liên quan đến vấn đề này là tạo ra một hệ thống các nguyên tắc và luật lệ về

¹ European Commission. *Global Europe: Competing in the World – A Contribution to the EU's Growth and Jobs Strategy* (2006).

cạnh tranh quốc tế năm 1980, nhưng các luật lệ này chỉ là những giới thiệu không có ràng buộc.

Cũng từ đây các vấn đề cạnh tranh đã được quan tâm hơn, nhưng chủ yếu là cạnh tranh có liên quan trực tiếp tới thương mại quốc tế và tiếp cận thị trường. Lúc này, vấn đề cạnh tranh cũng được thảo luận một cách nghiêm túc trong tổ chức OECD, và nó mở đầu cho các thảo luận của WTO, cho dù các nước đang phát triển coi UNCTAD là diễn đàn quốc tế để tiếp cận hơn với thảo luận các vấn đề chính sách cạnh tranh ở WTO. Một thực tế là, dù tự do hóa thương mại đã đạt sự phát triển vượt bậc với việc ra đời Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), thì các chính sách trong nước của mỗi thành viên như chính sách cạnh tranh vẫn có thể là rào cản phi thuế quan với thương mại². Đây chính là cơ sở tạo điều kiện thuận lợi cho đề xuất của EU được ra đời và dễ dàng được chấp nhận. Hội nghị Bộ trưởng các thành viên WTO tại Singapore năm 1996 là dấu mốc quan trọng cho việc phát triển của chính sách cạnh tranh chung trên toàn thế giới. Với chủ đề “Thương mại và chính sách cạnh tranh”, EU cũng đã có những đóng góp quan trọng tạo nền tảng cho chính sách cạnh tranh quốc tế, tạo cơ sở cho việc thảo luận và đi đến thống nhất một chính sách cạnh tranh chung đã được nhiều nước đón nhận.

Trong bối cảnh nhiều nước chưa có chính sách cạnh tranh trong nước hoàn thiện,

nhất là những nước đang phát triển, EU cũng đã cố gắng đề xuất một hiệp định cạnh tranh mà theo họ trong đó có những vấn đề quan tâm của các nước đang phát triển. EU cũng cố đưa ra một hiệp định khung linh hoạt, ở đó các thành viên phải cam kết hình thành những nguyên tắc cơ bản nhất, với một số lượng các quy tắc tối thiểu trong những vấn đề trọng yếu. Các vấn đề trọng yếu này gồm những nội dung sau:

i/ Các thành viên cam kết xây dựng luật cạnh tranh trong nước hiệu quả, từ những hệ thống thực thi và tiếp cận cho các thành phần bị tác động bởi các hoạt động chống cạnh tranh tới việc quản lý và những thủ tục pháp lý. Những cách riêng biệt để thực hiện chính sách cạnh tranh và thiết kế tổ chức được mỗi thành viên tự quyết định để phù hợp yêu cầu riêng biệt của họ. Nhưng các quy tắc về đối xử quốc gia của WTO, không phân biệt đối xử và minh bạch phải được áp dụng;

ii/ Các nước thành viên sẽ hợp tác thông qua việc khai báo và tư vấn với những nước có liên quan khi cần thiết và hỗ trợ trao đổi thông tin trong phạm vi được thiết lập bởi luật pháp cá nhân liên quan đến việc đưa ra những thông tin kín;

iii/ Hiệp định có thể sẽ được tập trung, quan tâm đến nhu cầu của các chính sách xã hội khác hoặc các chính sách phát triển. Các thành viên tự do thiết lập các miễn trừ khỏi chính sách cạnh tranh cho các lĩnh vực quan tâm đặc biệt, và các miễn trừ này phải rõ ràng, minh bạch. Các nền kinh tế nhỏ có thể tham gia vào chính sách cạnh tranh khu vực và không cần phải thiết lập luật cạnh tranh

² Regional Perspectives on the WTO Agenda: *Concerns and common Interests, Chapter 7: Trade and competition policy in WTO.*

hoặc các thể chế thực thi của riêng họ. Những mong muốn của các nước đang phát triển nên được đề cập thông qua cam kết trợ giúp kỹ thuật, qua các điều khoản thời kỳ chuyển đổi và những điều khoản đặc biệt khác;

iv/ Vì có sự khác nhau quá lớn giữa luật cạnh tranh của các quốc gia, do đó chỉ nên theo đuổi hiệp định giới hạn về một quy tắc hiện có (xác định những qui định hoặc các quy tắc cạnh tranh chung nhất, chẳng hạn, sự tranh đấu giành thị trường và các quy tắc đối với những móc ngoặc ấn định giá, móc ngoặc xuất khẩu, liên kết giá của các doanh nghiệp có một vị trí thống trị trong một thị trường nhất định; các thủ tục tiếp cận việc liên kết của các công ty lớn, và các thủ tục như sự minh bạch, đối xử quốc gia và các giới hạn hành động hướng tới chấp nhận những điều này ở mức độ quốc tế). Vì tồn tại những bất đồng liên quan đến tác động có hại của những liên kết móc ngoặc mạnh (ấn định giá một cách rõ ràng), hiệp định mong muốn chỉ ngăn cấm những liên kết mạnh này;

Những ý kiến đề xuất cho rằng hiệp định khung đó sẽ đủ linh hoạt để thống nhất các mục tiêu riêng biệt của mỗi thành viên, bao gồm cả việc xem xét đến các chính sách phát triển (chỉ nội dung thứ nhất và thứ hai gắn với trách nhiệm). Họ cũng cho rằng một hiệp định như thế sẽ có thể tạo thuận lợi cho sự tin tưởng lẫn nhau, khả năng hợp tác quốc tế không chỉ ở mức độ đa phương mà còn cả ở mức độ song phương và khu vực. Hiệp định đó cũng giúp phối hợp hợp tác quốc tế

và hỗ trợ kỹ thuật. Hơn nữa, nó giúp đơn giản hóa nguyên tắc của một chính sách cạnh tranh giữa các thành viên chưa có luật cạnh tranh, bằng việc phối hợp một số thành phần bắt buộc, và thông qua hỗ trợ kỹ thuật. Hiệp định đó cũng sẽ tạo lợi ích cho các nước đang phát triển nhỏ, giúp họ có khả năng khắc phục các hoạt động chống lại cạnh tranh của những tập đoàn quốc tế hay đa quốc gia có quyền lực mạnh, có ảnh hưởng đến nền kinh tế của họ.

Trọng tâm về chính sách cạnh tranh của EU đưa ra nhằm sử dụng WTO như là công cụ "bắt" các nước đang phát triển cam kết hoặc thắt chặt luật cạnh tranh trong nước để phá vỡ các độc quyền địa phương hoặc các hành động giúp đỡ các công ty địa phương duy trì thị phần của họ, vì thế các độc quyền xuyên quốc gia lớn hơn có thể thâm nhập hoặc mở rộng thị phần của họ ở thị trường ở các nước đang phát triển. Điều này đã gây ra những tranh cãi lớn giữa các nước. Như vậy, những mối quan tâm và trình độ phát triển khác nhau giữa các nước như đã phân tích trở thành những khó khăn cho việc ra đời chính sách cạnh tranh trong khuôn khổ WTO. Tuy nhiên, tại các cuộc họp của WTO sau đó, các thành viên này đã không đạt được sự nhất trí về nội dung các qui định, chủ yếu do sự phản đối từ các nước đang phát triển. Sau khi bị đình trệ tại Hội nghị Bộ trưởng WTO ở Cancun năm 2003, Hội đồng WTO đã loại chính sách cạnh tranh khỏi chương trình nghị sự Doha 2004. Có nhiều ý kiến cho rằng, nguyên nhân của những đình trệ này là sự gượng ép về thể chế và thủ tục.

Chẳng hạn, khó có thể hài hòa được chế độ của mỗi quốc gia đang tồn tại vào một tiêu chuẩn chung, đặc biệt, chính sách cạnh tranh không chỉ đòi hỏi các tiêu chuẩn khác nhau mà còn liên quan đến nhiều lĩnh vực³. Tại hầu hết các nước, đều có những mâu thuẫn nảy sinh do sự khác biệt về vấn đề tính hiệu quả và công bằng trong thực thi luật cạnh tranh. Vì vậy, hầu hết các nước chỉ đồng ý sự tồn tại mối quan hệ chặt chẽ giữa thương mại và cạnh tranh. Đồng thời, xác định mục tiêu cơ bản của hệ thống WTO là mở cửa cạnh tranh, một số nước khác không ủng hộ hành động này, thậm chí còn muốn loại bỏ luật cạnh tranh ra khỏi WTO.

Rõ ràng, thực tế Liên minh Châu Âu đang đề xuất một hiệp định nhằm xác lập các điều khoản cạnh tranh bao gồm cả đối xử quốc gia rõ ràng hơn. Đề xuất của họ có thể thu hẹp hơn là mở rộng các trách nhiệm đang có bởi vì EU kêu gọi chú tâm vào trách nhiệm về đối xử quốc gia. Vì thế EU có thể giảm “độ sâu” của trách nhiệm, nhưng cũng mở rộng phạm vi điều chỉnh. EU muốn một hiệp định toàn diện, mở rộng trách nhiệm từ những phạm vi điều chỉnh hiện nay của họ. Cùng lúc đó EU đang đề xuất một khuôn khổ chung cho hợp tác tự nguyện, đưa ra thêm một số quyền cho người chấp nhận trách nhiệm được xem xét lại. Những vấn đề mà đề xuất EU đưa ra không nhiều đến mức quá

nặng đối với các nước đang phát triển. Những đòi hỏi của nó rất linh hoạt nhưng đáp ứng được cho phát triển hợp tác quốc tế không chỉ liên quan đến các “móc ngoặc” và kết nối.

2. Chính sách cạnh tranh của EU và tự do hoá thương mại toàn cầu

Chính sách cạnh tranh là một công cụ quan trọng thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh và quản lý nền kinh tế trong hệ thống thương mại toàn cầu. Xu hướng toàn cầu hóa ngày càng mạnh mẽ, ngày càng có nhiều công ty liên kết, sáp nhập mang tính quốc tế, khiến hợp tác quốc tế về chính sách cạnh tranh là rất cần thiết. Nó giúp tạo ra một sân chơi chung và cơ chế nhất định cho cộng đồng kinh doanh mang tính toàn cầu ở cả phạm vi quốc gia và quốc tế. Thời gian qua, những hoạt động cản trở cạnh tranh, tác động đến sự công bằng về các cơ hội tiếp cận thị trường đã được thành viên WTO đàm phán giải quyết. Phần lớn những hoạt động cản trở cạnh tranh này thuộc về các rào cản thương mại trong một thể giới thương mại tự do hóa. Vì thế, việc áp dụng luật cạnh tranh góp phần tạo ra những thị trường dễ dàng tiếp cận và đảm bảo sự mở cửa toàn diện và ổn định của một hệ thống thương mại. Chính sách cạnh tranh rõ ràng có liên quan chặt chẽ đến tự do hóa thương mại, áp dụng các quy tắc cạnh tranh trên thị trường sẽ giúp cho việc tạo ra sân chơi chung và thúc đẩy các điều kiện cạnh tranh công bằng cho các công ty sản xuất kinh doanh trên thị trường quốc tế. Chính sách cạnh tranh sẽ là công cụ đảm bảo thương mại công bằng hơn, tạo điều kiện

³ Gary Clyde Hufbauer, Jisun Kim (2008), *International Competition Policy and the WTO*, Peterson Institute for International Economics (Paper presented at a conference titled One Year Later: The Antitrust Modernization Commission's Report and the Challenges that Await Antitrust, New York University April 11, 2008).

cho tự do hóa thương mại trên thế giới nhanh hơn. Do còn chịu tác động từ các áp lực chính trị và các hoạt động lobby, chính sách cạnh tranh còn được sử dụng như một chính sách thương mại chiến lược để phát triển quốc gia, cũng như ngành và nhóm lợi ích. Thực tế, người ta thấy rằng, dưới sự điều chỉnh của chính sách cạnh tranh, các công ty đã nỗ lực tổ chức tốt hơn để thay đổi chính sách đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Cũng không ngoại trừ những nước sử dụng chính sách cạnh tranh như một công cụ thương mại để thuận lợi hóa cho sự thâm nhập thị trường nước ngoài của các công ty mình.

Trong xã hội tự do hóa thương mại, các nước không thể sử dụng chính sách thương mại đơn thuần để cải thiện phúc lợi trong nước của họ. Chính sách cạnh tranh có thể được sử dụng như một sự thay thế để đạt được các mục tiêu tương tự. Chính sách cạnh tranh luôn đi cùng chính sách thương mại, khi chính sách cạnh tranh kiểm soát sức mạnh thị trường của các doanh nghiệp trong nước thì chính sách thương mại chiến lược phải cố gắng khai thác lợi ích bên ngoài bằng việc sử dụng sức mạnh thị trường của các doanh nghiệp trong nước. Vì thế, EU rất tích cực cả về mặt song phương và đa phương với mục tiêu cần phải tạo ra một sự hợp tác toàn cầu về vấn đề chính sách cạnh tranh. EU ủng hộ phát triển chính sách cạnh tranh theo tiêu chuẩn quốc tế với quyền thực thi pháp lý chưa từng có. Chẳng hạn, cuộc đối thoại chính thức về chính sách cạnh tranh giữa EU và Trung Quốc đã bắt đầu năm

2004. Mục đích ban đầu của nó là thiết lập một diễn đàn định kỳ về tư vấn và minh bạch giữa Trung Quốc và EU cũng như hỗ trợ kỹ thuật cho Trung Quốc. Những tư vấn này sẽ tăng cường cả hiểu biết và tìm hiểu những tiếp cận khác của nhau. Cuộc đối thoại hiện tại tập trung vào giúp đỡ Trung Quốc trong quá trình phát triển luật cạnh tranh và quyền cạnh tranh.

Chính sách cạnh tranh của EU đã có tác động lan tỏa rất lớn do cả những nỗ lực “xuất khẩu” của EU và những tác động trực tiếp từ những điều chỉnh của nó. Trong khi đàm phán của WTO về chế độ cạnh tranh quốc tế bị đình trệ, một số nước đã có giải pháp cho chính sách cạnh tranh thông qua các hiệp định song phương và khu vực. Trường hợp EU có thể coi là thành công nhất vì EU là khu vực đi đầu về vấn đề này. Mặc dù đề xuất của EU chưa được tất cả các thành viên WTO chấp nhận ngay, nhưng hiện nó đang được chấp nhận một cách từ từ thông qua các hiệp định song phương và khu vực. Trước tiên trong nội bộ EU, vài thập kỷ qua, EU đã phát triển thành một luật cạnh tranh của cả châu Âu (xây dựng trên các luật của các thành viên). Kết quả là EU đã đi được một bước dài trong việc tạo ra một thị trường chung với 27 thành viên hiện nay. Quá trình mở rộng của EU cũng đồng nghĩa với việc chính sách cạnh tranh càng được mở rộng phạm vi áp dụng. Các nước muốn trở thành thành viên EU đều phải hướng theo chính sách cạnh tranh của EU, các ứng cử viên phải hoàn thiện đầy đủ một số đòi hỏi trong lĩnh vực cạnh tranh, bao gồm cả sự công

nhận khả năng cạnh tranh hợp pháp mang tính quốc gia với những yêu cầu của EU. Các ứng viên cũng phải đưa ra khả năng quản lý cần thiết và chứng minh một báo cáo thực thi đáng tin cậy. Hội đồng phụ trách cạnh tranh EU sẽ cung cấp những hỗ trợ kỹ thuật và giúp đỡ các nước ứng viên hoàn thiện những yêu cầu này. Hội đồng này tiếp tục theo dõi nước ứng viên chuẩn bị trong quá trình gia nhập. Chẳng hạn, trong quá trình chuẩn bị gia nhập EU của Rumani và Bungari tháng 1/2007, EU đã giám sát một cách chặt chẽ sự chuẩn bị của các nước này và hỗ trợ trong việc thực thi luật cạnh tranh, sửa đổi luật cạnh tranh của nước mình cho phù hợp với quy định của EU.... Hay trong năm 2007, các nước Croatia và Thổ Nhĩ Kỳ đã có những hợp tác đặc biệt gần gũi với EU. Hai nước ứng viên này phải hoàn thành "tiêu chuẩn mở" chung trước khi các đàm phán gia nhập Hiệp định Cạnh tranh được bắt đầu. Ban phụ trách cạnh tranh còn hỗ trợ các nước ứng viên khu vực Tây Balkan trong việc điều chỉnh chính sách của họ với luật cạnh tranh của EU¹. Chính sách cạnh tranh của EU có tác động đến một loạt các nước khu vực Trung và Đông Âu trong thời gian qua. Tất nhiên các nước này phải điều chỉnh hoặc thiết lập chính sách cạnh tranh của mình sao cho phù hợp với chính sách cạnh tranh của EU cũ. Điều này góp phần làm chính sách cạnh tranh của EU được áp dụng rộng hơn.

Chính sách cạnh tranh của EU có tác động lan tỏa tiếp theo đến tự do thương mại. Nhu cầu đảm bảo sự cạnh tranh của EU đã

thúc đẩy Liên minh này theo đuổi các hiệp định thương mại tự do. Những hiệp định song phương giữa EU và đối tác trong thời gian gần đây đều có những điều khoản về cạnh tranh. EU đã kí hiệp định song phương với hầu hết các đối tác quan trọng của mình. Đầu tiên, hợp tác song phương với các nước láng giềng có mô hình cạnh tranh tương tự. Ví dụ thứ nhất là khu vực kinh tế EU đã ký Hiệp định Porto năm 1992 với các nước thuộc Hiệp định Thương mại tự do Châu Âu (EFTA). Hiệp định này có mục đích đảm bảo điều kiện xác định về cạnh tranh và thiết kế các luật cạnh tranh. Các hiệp định này xác định rõ vị trí các đối tác cũng như EU, các quyền của EFTA hay những hợp tác sâu về mặt trao đổi thông tin hoặc hỗ trợ quản lý. Ví dụ thứ hai là Hiệp định Thương mại tự do khu vực với các nước Trung và Đông Âu, trong đó cũng bao gồm cả các điều khoản cạnh tranh. Tương tự, hiệp định thương mại tự do với khu vực Địa Trung Hải chứa đựng cả những điều khoản cạnh tranh được thiết kế để thúc đẩy đi đến sự thống nhất về luật pháp và hợp tác. Các hiệp định thương mại khu vực thường được ký giữa những nước phát triển và những nước kém phát triển trong những năm gần đây. Đây là những kênh chính cho việc phổ biến luật chống độc quyền. Các điều khoản hiệp định thường được đề cập về mặt tiếp cận thị trường, mục đích là để né tránh những tư tưởng chống cạnh tranh như một số hiệp định khác đã gặp phải.

Trong phạm vi sáng kiến chính sách với các nước láng giềng của EU, kế hoạch hành

¹ EC, *Report on Competition Policy 2007*.

động hợp tác thương mại cạnh tranh đã được đàm phán với Israel, Jordan, Morocco, Moldova, Palestin, Thổ Nhĩ Kỳ và Ucraina năm 2004. Tất cả các kế hoạch hành động đều bao gồm phần chính sách cạnh tranh, ngoại trừ với Palestin. Kế hoạch hành động về cạnh tranh đã chỉ ra các vấn đề liên quan chống độc quyền và trợ giúp của nhà nước (Ngoại trừ với Israel không có các điểm hành động chống độc quyền). Với chống độc quyền, các điểm hành động có mục tiêu làm tăng cường hiệu lực thực thi của luật cạnh tranh và sự độc lập của các quyền cạnh tranh. Đối với trợ cấp nhà nước, mục tiêu là hướng tới hòa hợp những định nghĩa được sử dụng ở EU và các nước đối tác, cải thiện sự minh bạch của trợ giúp nhà nước⁵. Tiếp đến, EU cũng tiến hành liên kết với các nước không phải láng giềng nhằm mục đích đóng góp cho một mức độ cao hơn về hợp tác và tiến tới điểm chung. EU đã có những hiệp định chính thức với Canada, Nhật Bản và Mỹ. EU cũng duy trì mối quan hệ với Úc, Trung Quốc, Hàn Quốc và Mexico. Hiệp định song phương toàn diện và quan trọng nhất là ký với các nhà chống độc quyền Mỹ bởi vì tầm quan trọng và phạm vi kinh tế của nó. EU cũng đã ký kết một số hiệp định thương mại tự do, tham gia hiệp hội và các hiệp định hợp tác (hiệp định giữa EU - Địa Trung hải, hiệp định với các nước Mỹ Latinh, và với Nam Phi), những ký kết này thường bao gồm những điều cơ bản liên quan đến hợp tác về vấn đề cạnh tranh⁶.

Không chỉ các hiệp định của EU với các đối tác chứa đựng nội dung cạnh tranh mà các hiệp định của các nước khác, khu vực khác cũng có những nội dung chính sách cạnh tranh. Từ đầu những năm 1990, các hiệp định thương mại song phương và khu vực bắt đầu bùng nổ. Đây cũng là một sự lựa chọn khác so với WTO cho giải quyết các vấn đề chính sách cạnh tranh. Theo UNTAC (2005), trong số hơn 300 hiệp định thương mại song phương và khu vực đã có hiệu lực hoặc đang đàm phán, có hơn 100 điều khoản liên quan đến chính sách cạnh tranh. Những hiệp định trên có thể tạo ra những cơ hội cho các nước đang phát triển nâng cấp chính sách cạnh tranh của mình. Trong nghiên cứu của OECD năm 2006, trong 86 hiệp định thương mại có điều khoản liên quan đến các vấn đề cạnh tranh, có khoảng 2/3 là giữa các nước đang phát triển, và khoảng hơn 1/4 là hiệp định giữa nước đang phát triển và các nước công nghiệp phát triển. Mô hình này đã đưa ra những cơ hội cho các nước đang phát triển trong việc giải quyết vấn đề về chính sách cạnh tranh của họ liên quan đến hiệp định thương mại song phương và khu vực⁷. Như đã phân tích, EU cũng là đối tác đi đầu trong việc phát triển chính sách cạnh tranh thông qua các đàm phán song phương. Những nguyên tắc được thiết lập bởi chính sách cạnh tranh của EU có điều kiện được áp

⁵ EC, *Report on Competition Policy 2004*.

⁶ EC, *Report on Competition Policy 2005*.

⁷ Gary Clyde Hufbauer, Jisun Kim (2008). *International Competition Policy and the WTO*. Peterson Institute for International Economics (Paper presented at a conference titled One Year Later: The Antitrust Modernization Commission's Report and the Challenges that Await Antitrust. New York University April 11, 2008).

dụng rộng rãi hơn. Với vai trò quan trọng của chính sách cạnh tranh như đã phân tích, rõ ràng nó có tác động rất lớn cho phát triển thương mại công bằng hơn. Chính vì vậy, để phát triển chính sách cạnh tranh EU và tham vọng hình thành Hiệp định Cạnh tranh quốc tế, trước tiên phải thúc đẩy các nguyên tắc cạnh tranh toàn cầu, đồng thời tạo ý thức về tự do hóa thương mại và thương mại công bằng hơn trên toàn thế giới.

Tóm lại, chính sách cạnh tranh EU đã tạo tiền đề tốt cho các khu vực và các nước khác hướng tới tự do hóa thương mại và thương mại công bằng hơn. Một hiệp định đa phương về chính sách cạnh tranh là mong muốn rất lớn của nhiều nước. Tuy nhiên, do có những quan điểm khác nhau rất rõ về vấn đề này, nên đi đến một hiệp định trong khuôn khổ WTO bao gồm 150 thành viên còn là điều xa vời. Thập kỷ này (sau khi Vòng đàm phán Doha khép lại hoặc bị bỏ quên), triển vọng nhất đó là đạt được hiệp định nhiều bên giữa một nhóm các nước thành viên của WTO. Trong giới hạn của hiệp định nhiều bên đó, sẽ rất quan trọng khi có một số nước đang phát triển vẫn tiếp tục tham gia⁸. Một hiệp định được đặt dưới bảo trợ của WTO sẽ có thể giải quyết được một số vấn đề về lợi ích của các nước đang phát triển, như là độc quyền xuất khẩu và khía cạnh chống cạnh tranh của những vụ mua lại

và sáp nhập lớn. Đồng thời, đảm bảo mục tiêu chính sách cạnh tranh trong khuôn khổ của WTO phải đảm bảo thúc đẩy quá trình tự do hóa thương mại, hạn chế những rào cản thông qua các rào cản kỹ thuật hay trợ cấp của các nước thành viên, ví dụ trong vấn đề trợ cấp nông sản của các nước phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Bùi Huy Khoát, *Chính sách cạnh tranh và việc bảo vệ thương mại của Liên hiệp Châu Âu*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 1/2004.
2. Nguyễn An Hà, *Chính sách cạnh tranh của Liên minh Châu Âu: Những thách thức đối với quá trình mở rộng*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 6/2003.
3. Đặng Minh Đức và Trịnh Thị Hiền, *Quá trình hình thành và phát triển chính sách cạnh tranh Liên minh Châu Âu*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, Số 10/2008.
4. Đặng Minh Đức, *Chính sách cạnh tranh của Liên minh Châu Âu: Mục tiêu và tác động*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, Số 8/2009.
5. Saul Estrin và Peter Holmes, *Competition and Economic Intergration in the Europe*, Edward Elgar Publishing Limited, 1998.
6. Mario Monti (EU Competition Commissioner) (2004). *EU Competition Policy*, Fordham Annual Conference on International Antitrust Law and Policy, New York, October 24, 2003.

⁸ Gary Clyde Hufbauer, Jisun Kim (2008). *International Competition Policy and the WTO*, Peterson Institute for International Economics (Paper presented at a conference titled One Year Later: The Antitrust dermization Commission's Report and the Challenges that Await Antitrust, New York University April 11, 2008).